

Bản án số: 221/2018/HS-PT
Ngày 16 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tòa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 91/2018/TL-HSPT ngày 07/02/2018 đối với bị cáo E E N C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 447/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

E E N C, sinh năm 1973 tại Peru; giới tính: nam; nơi thường trú: S N. H M P, S D M, Lima; chỗ ở: Không nơi ở cố định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: chưa rõ; quốc tịch: Peru; con ông N và bà M; có vợ và 04 con, lớn 22 tuổi, nhỏ 7 tuổi; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 03/2016/HSPT ngày 23/8/2016 bị Tòa án quân sự Trung ương tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đang chấp hành án.

Bị bắt tạm giam ngày 14/4/2015 (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Lan O, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người phiên dịch: Bà Nguyễn Hoa M, sinh năm 1986, nhân viên Công ty TNHH Dịch thuật Ph (có mặt).

(Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 05/8/2014 và 06/8/2014, E E N C cùng B C R, T T C, L C D C R (quốc tịch Peru) lần lượt nhập cảnh vào Việt Nam cùng 04 đối tượng khác là P, A, P và D (không rõ lai lịch) bàn bạc, tổ chức thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai và tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: E E N C có nhiệm vụ thuê xe ô tô, chở đồng bọn đến địa điểm thực hiện trộm cắp và chở đồng bọn tẩu thoát sau khi trộm; P đi tìm những nơi đặt trụ ATM vắng người lên kế hoạch để trộm cắp; C chế tạo dụng cụ hàn xì, đồng thời cùng R, P trực tiếp hàn xì, cắt phá các trụ ATM, kết sắt lấy tài sản; D và R có nhiệm vụ cảnh giới. Để có phương tiện di chuyển thực hiện hành vi phạm tội, cả nhóm thuê 5 xe ô tô gồm: xe ô tô hiệu Honda Civic màu vàng, xe ô tô 4 chỗ hiệu Honda Civic màu đen, xe ô tô 4 chỗ hiệu Chevrolet màu bạc, xe ô tô 4 chỗ hiệu Chevrolet Cruze màu đỏ đô, và xe ô tô 4 chỗ hiệu Toyota Altis màu xanh ngọc của công ty Trách nhiệm hữu hạn G; cũng trong tháng 10/2014, E E N C nhờ Võ Anh T (bạn gái) dẫn đến cửa hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Hóa Công nghiệp H do chị Lương Thị Thanh H1 làm chủ để E E N C mua 01 bình khí Oxy 2m³ và 01 bình khí C₂H₂ về giao cho R và C chế tạo dụng cụ hàn xì để cắt phá kết sắt, trụ ATM. E E N C đã cùng đồng bọn đem theo dụng cụ hàn xì tự chế, kèm cắt, lén lút đột nhập vào siêu thị M cắt phá các kết sắt đựng tiền, nữ trang của các quầy hàng bán đồ trang sức, chi nhánh ngân hàng A, và các trụ ATM ở nhiều địa điểm khác nhau, vào thời gian nửa đêm về sáng, lúc vắng người, để lấy trộm tiền, nữ trang. Qua truy xét, ngày 14/4/2015, E E N C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa bắt giữ. Quá trình điều tra E E N C khai nhận, từ ngày 15/10/2014 đến ngày 31/12/2015 đã cùng đồng phạm đã thực hiện 04 vụ trộm cắp, cụ thể:

Vụ thứ 1: Đêm ngày 14 rạng sáng ngày 15/10/2014, E E N C điều khiển xe ô tô 4 chỗ hiệu Chevrolet màu bạc chở C, R, A, P cùng dụng cụ hàn xì tự chế, kèm lớn do R chuẩn bị sẵn. P1 điều khiển xe máy (không rõ biển số) dẫn đường cho cả nhóm đến siêu thị M để trộm tài sản. Khi tới khu vực kinh doanh hàng trang sức, vàng, đồng hồ... tại tầng trệt góc ngã 3 đường C1 và Ng, C, R và P mang theo túi lớn đựng dụng cụ hàn cắt, kèm rồi đi bộ tới cây, nâng cửa cuốn tại vị trí khu vực kinh doanh nhà sách Ph và cửa hàng mỹ nghệ Đ lên rồi đột nhập vào bên trong siêu thị M. E E N C cùng các đối tượng còn lại ở ngoài cảnh giới. Khoảng hơn 1 giờ

sau, C, R và P đem ra 2 túi ba lô lớn, gồm 1 túi đựng dụng cụ hàn cắt và kèm, 01 túi đựng tài sản vừa trộm được ra xe ô tô cho E E N C điều khiển chở cả nhóm về nhà thuê của P1 tại Quận X (không rõ địa chỉ). E E N C kiểm tra thấy có nhiều vàng, nữ trang các kiểu nhưng không biết là bao nhiêu và cũng không biết đồng bọn có trộm được tiền hay không. C đề nghị cả nhóm mua 01 chiếc hộp đựng số vàng, nữ trang này gửi về Malaysia cho thân nhân của P nhờ bán giúp rồi gửi tiền sang Việt nam cho cả nhóm. Khoảng 2 tuần sau, E E N C nghe A báo là số vàng, nữ trang đã được chuyển về Malaysia. Sau đó khoảng 1 tuần, E E N C lại nghe A và C báo là số vàng, nữ trang đã bị lừa lấy mất hết tại Malaysia nên E E N C không được chia tài sản.

Ngày 15/10/2014, Lê Trí C2 là nhân viên bảo vệ siêu thị M phát hiện cửa cuốn tại vị trí khu vực kinh doanh nhà sách Ph và cửa hàng mỹ nghệ Đ bị phá cửa, kiểm tra bên trong Siêu thị tại nhiều quầy, trụ ATM bị đập phá, mất tài sản nên đến Công an Phường Y, quận T trình báo.

Kết quả điều tra xác định 04 kết sắt của quầy hàng trang sức M1 SJC; 02 kết sắt bên trong ngân hàng A và tủ sắt trong quầy hàng trang sức P bên trong siêu thị M đã bị phá bằng dụng cụ hàn xì và kèm cắt. Trong đó, tài sản bị mất trộm tại quầy hàng trang sức M1 SJC gồm: 779 món nữ trang, 18 món kim cương, 12 món ngọc trai, 20 món vòng Chalcedony, 15 món nhẫn ép vĩ, 01 món nữ trang mua lại và 32.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 1421/KLGD-TT ngày 12/01/2015 của Phòng Kỹ Thuật Hình Sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Kết sắt và cửa kết sắt ký hiệu số 1, 2 gửi đến giám định bị cạy phá bằng cách dùng công cụ hàn xì (hàn hơi) làm nóng chảy và tách rời bản lề cửa kết sắt, sau đó dùng công cụ kim loại có 1 đầu dẹp chiều rộng khoảng 2,5cm (như xà beng...) để cạy bẩy bung cánh cửa kết sắt. Bốn kết sắt ký hiệu 3, 4, 5 gửi đến giám định bị cạy phá bằng cách dùng công cụ hàn xì (hàn hơi) làm nóng chảy 1 phần cửa kết sắt, sau đó dùng công cụ kim loại có 1 đầu dẹp chiều rộng khoảng 1cm (như loại cây sắt đầu dẹp để tháo mở lốp xe, tước nơ vít loại lớn...) để cạy bẩy bung cánh cửa kết sắt”.*

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 103/HĐĐGTS-TTHS ngày 27/3/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND quận T kết luận: *“Tài sản của quầy hàng trang sức M1 SJC bị chiếm đoạt gồm 18 món kim cương theo nữ trang có tổng trị giá là 143.210.000 đồng; 12 món ngọc trai có tổng giá là 17.015.000 đồng, 20 món vòng Chalcedony có tổng giá là 4.920.800 đồng, 779 món nữ trang vàng có tổng giá là 2.384.507.977 đồng, 15 món nhẫn ép vĩ có tổng giá là 48.585.000 đồng, 01 món nữ trang mua lại có giá là 5.094.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 2.603.332.777 đồng”.*

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 két sắt bị hàn cắt và 01 đầu thu hình của camera trong siêu thị M và đã trả lại cho Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý SJC M1 và Ngân hàng A.

Vụ thứ 2: Khoảng 3 giờ sáng ngày 25/02/2015, E E N C điều khiển xe ô tô 4 chỗ hiệu Honda Civic màu vàng chở A và C. P và R đi chung 01 xe máy (không rõ biển số). P1 điều khiển 01 xe gắn máy (không rõ biển số) dẫn đường cho cả nhóm đến trụ ATM của Ngân hàng Nông N. Tại đây, P, C và R đi vào dùng dụng cụ hàn cắt tự chế và kèm cắt phá trụ ATM; E E N C cùng số còn lại có nhiệm vụ cảnh giới. Khi P, C và R lấy trộm được tiền bỏ vào túi xách đem ra thì E E N C chở A và C cùng tiền chiếm đoạt được và công cụ phương tiện trộm cắp bằng xe ô tô cùng đồng bọn chạy về nhà thuê của P1 (không rõ địa chỉ). E E N C được chia 80.000.000 đồng; sau đó E E N C cho bạn gái là Võ Anh T 9.000.000 đồng và đưa cho T 14.000.000 đồng để trả tiền thuê phòng. Số tiền còn lại E E N C sử dụng tiêu xài cá nhân. Ngày 25/2/2014, Ngân hàng Nông N có đơn trình báo Công an Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả điều tra xác định số tiền bị mất trộm tại trụ ATM nêu trên là 991.650.000 đồng.

Kết luận giám định số 533/KLGD-TT ngày 20/06/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Thanh kim loại dài khoảng 73cm, chiều rộng 4,5cm, dày 1,2cm có dấu vết kim loại nóng chảy, bị cắt bằng công cụ cắt kim loại sử dụng khí oxy-ga”*.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 9762/HĐĐGTS-TTHS ngày 07/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Giá trị thiệt hại của 01 máy ATM số hiệu 03 (số serial 1562RDC 19089, sản xuất 2008, nhãn hiệu Diebol, model Opteva 5620) theo giá thị trường tại thời điểm tháng 2 năm 2015 là 144.379.327 đồng”*.

Võ Anh T đã giao nộp lại số tiền 9.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện Ngân hàng Nông N - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

Vụ thứ 3: Ngày 18/03/2015, E E N C điều khiển xe ô tô 4 chỗ hiệu Honda Civic màu vàng chở R1 và C còn R, P1 và D sử dụng xe ô tô 4 chỗ hiệu Chevrolet Cruze màu đỏ đô từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Khánh Hòa. E E N C, R1 và C ở tại khách sạn Th, Nha Trang còn R, P1 và D không xác định ở khách sạn nào. Khoảng 01 giờ ngày 29/3/2015, E E N C điều khiển xe ô tô chở R1 và C; P điều khiển xe Yamaha Nouvo (không rõ biển số) chở R mang theo 01 thang xếp; D điều khiển xe máy hiệu AirBlade (không rõ biển số) cùng đến Bưu cục thị trấn D. Khi đến thì R, C và P1 mang theo bình ga Oxy, chai cocacola và thang xếp cao khoảng 3,8m (thang do P1 mua tại siêu thị M1 vào chiều ngày 27/3/2015) đi ra phía sau Bưu cục.

Còn E E N C, R1 và D ở ngoài cảnh giới. R, C và P1 dùng thang xếp đột nhập từ cửa sổ tầng 2 của Bưu cục vào bên trong. Một lúc sau, R, C và P1 leo ra ngoài đem theo ba lô đựng tài sản vừa trộm được cùng đồng bọn tẩu thoát. P1 và D điều khiển 2 xe máy chạy về Nha Trang còn E E N C điều khiển xe ô tô chở R1, C, R cùng tiền chiếm đoạt được và công cụ phương tiện trộm cắp chạy về hướng Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng khi chạy được khoảng 200 mét, E E N C quay đầu xe chạy ngược về Nha Trang tới khách sạn Th trả phòng. Đến 04 giờ sáng cùng ngày, E E N C chở R1, C, R quay về Thành phố Hồ Chí Minh và thuê phòng khách sạn để kiểm tra và chia tiền trộm được. Sáng ngày 30/03/2015, P1 và D điều khiển xe ô tô về Thành phố Hồ Chí Minh và được chia tiền. E E N C được chia 130.000.000 đồng, sau đó về đưa cho Võ Anh T 20.000.000 đồng trả tiền thuê xe ô tô; cho T 25.000.000 đồng và T đem số tiền này về cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thu H2; đưa cho T 19.400.000 đồng để thuê nhà trọ. Sau đó, E E N C chở R1, C, R qua Campuchia, còn E E N C quay về Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an tỉnh Khánh Hòa bắt giữ. Riêng P1 sau khi được chia tiền đã đưa cho chị Nguyễn Thị D số tiền 2.500.000 đồng để trả tiền thuê nhà tại Đường HB, phường L, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh của Trần Thế L1. Ngày 29/3/2015, Ngân hàng V có đơn trình báo Công an tỉnh Khánh Hòa.

Kết quả điều tra xác định số tiền bị mất trộm tại 02 trụ ATM của Ngân hàng V đặt tại thị trấn D là 1.403.200.000 đồng.

Kết luận giám định số 964/C54B ngày 08/04/2015 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: (Số tiền gồm 125 tờ tiền polymer mệnh giá 200.000 đồng và 25 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng): *“Phát hiện thấy dấu vết cong, co rút, bám chất màu đen trên các góc, cạnh và bề mặt của các tờ tiền gửi giám định nêu ở Mục 2, dấu vết hình thành do hơi nóng có muối đen tác động lên các thép tiền tạo ra. Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết trên các tờ tiền gửi giám định nêu ở Mục 2, nhận định: Nguồn nhiệt tạo hơi nóng có muối đen là nguồn nhiệt khí đốt có muối than. Các tờ tiền gửi giám định để dạng thép không buộc chặt đặt trong khoang có khả năng giữ hơi nóng mang muối”*.

Sau khi phát hiện sự việc, bà Nguyễn Thị Thu H2 đã nộp lại 25.000.000 đồng; bà Võ Anh T đã nộp lại 19.400.000 đồng; ông Trần Thế L1 đã nộp lại 2.500.000 đồng. Tổng cộng là 46.900.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền trên và một số vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm: 01 miếng kim loại màu xanh; 05 khay nhựa; 01 tay nắm cửa; các thanh sắt của khung cửa sổ; cánh cửa nhôm kính cho Đại diện Ngân hàng V.

Vụ thứ 4: Khoảng 24 giờ ngày 31/12/2015, C điện thoại cho E E N C và A, R, P1, P tập trung tại công viên khu vực Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bàn kế hoạch trộm cắp tài sản tại trụ ATM của Ngân hàng Nông N chi nhánh Biên Hòa. C

phân công E E N C lái xe ô tô (xe ô tô do E E N C thuê của công ty TNHH G nhưng không nhớ biển số xe) chở C, A, R đem theo dụng cụ hàn xì để cắt phá trụ ATM, còn P1 và P điều khiển xe máy (không rõ biển số). Cả nhóm đi từ Quận X qua hầm TT ra quốc lộ hướng về Đồng Nai. Khi đến khu Công nghiệp Bh II, cả nhóm dừng xe. C, A, R xuống xe đi tới trụ ATM của Ngân hàng Nông N chi nhánh Biên Hòa. P1 và P đứng ngoài cảnh giới. E E N C lái xe ô tô quay lại đường rẽ vào hẻm đậu xe ô tô cảnh giới và chờ đồng bọn. Một lúc sau C, A, R đã lấy được tiền bỏ vào túi đựng và đem ra cho E E N C chở về Thành phố Hồ Chí Minh, đến nhà trọ của P1 chia tiền. E E N C không biết trộm được bao nhiêu tiền nhưng được chia 60.000.000 đồng, còn những người khác được chia bao nhiêu không biết. Số tiền được chia E E N C tiêu xài hết cho cá nhân. Ngày 01/1/2015, Ngân hàng Nông N chi nhánh Biên Hòa đến Cơ quan Công an thành phố Biên Hòa trình báo.

Kết quả điều tra xác định số tiền bị mất trộm tại trụ ATM trên là 889.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 511 ngày 02/02/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND tỉnh Đồng Nai kết luận: *“Thiệt hại của máy ATM số 5990A015, nhãn hiệu Diebold, model Opteva 562; serial 1562RC21853, ngày sản xuất 31/3/2009 theo giá thị trường trong nước tại thời điểm 01/01/2015 là 138.716.747 đồng”*. Bản Kết luận giám định số 244 ngày 10/02/2015 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“01 ổ khóa; 01 nắp ổ cắm điện, 02 loa màu trắng, 01 nắp nhựa màu đỏ có chữ CocaCola, 01 nhãn hiệu chai nước CocaCola không phát hiện thấy dấu vết đường vân trên các mẫu vật gửi giám định”*.

Thu giữ tại hiện trường: 01 ổ khóa; 01 nắp ổ cắm điện, 02 loa màu trắng, 01 nắp nhựa màu đỏ có chữ CocaCola, 01 nhãn hiệu chai nước CocaCola, ngày 04/3/2016 Cơ quan điều tra đã trả lại cho Ngân hàng Nông N Việt Nam, Chi nhánh Biên Hòa.

Căn cứ kết quả điều tra, lời khai nhận của E E N C đã có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của E E N C cùng các đồng phạm nêu trên. Tổng số tiền chiếm đoạt của 04 lần là 5.861.532.777 đồng, gây thiệt hại hư hỏng các trụ ATM là 283.096.074 đồng.

Ngoài ra, E E N C còn khai nhận ngày 16/12/2014 bị cáo cùng đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tiền trong máy ATM của Ngân hàng Q - chi Nhánh Đồng Nai. Tại Bản án số 04/2016/HSST ngày 26/5/2016 Tòa án quân sự Quân khu 7 xét xử sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 03/2016/HSPT ngày 23/8/2016 Tòa án quân sự Trung ương xét xử phúc thẩm tuyên giữ nguyên hình phạt 07 năm 06 tháng tù.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 447/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo E E N C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51; Điều 53 của Bộ luật hình sự, xử phạt E E N C 18 (mười tám) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 03/2016/HSPT ngày 23/8/2016 của Tòa án Quân sự Trung ương buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 25 (hai mươi lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, ngày 31/12/2017 bị cáo E E N C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo E E N C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá cao đối với bị cáo; bị cáo phạm tội với vai trò là giúp sức, không phải chủ mưu.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì mới, bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đưa ra mức án 18 năm tù là phù hợp. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của luật sư, của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo E E N C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; bị cáo đồng ý về tội danh, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo E E N C đã cùng với một số đối tượng khác như C, A, R, P1... dùng dụng cụ hàn tự chế, kiểm soát để phá khóa, đột nhập bất hợp pháp để lấy trộm tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức khác. Tổng cộng, bị cáo đã tham gia thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại cửa hàng Công ty cổ phần vàng bạc đá quý SJC M1,

trụ ATM của Ngân hàng N chi nhánh Biên Hòa, trụ ATM của Ngân hàng V chi nhánh Khánh Hòa với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.919.382.77 đồng; đồng thời gây thiệt hại về tài sản khác là 283.096.074 đồng. Với hành vi và hậu quả trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là rất lớn (5.919.382.77 đồng), ngoài ra còn làm hư hỏng đến tài sản của cá nhân, tổ chức bị chiếm đoạt. Bản thân bị cáo còn bị Tòa quân sự Trung ương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” do có hành vi phá trụ ATM của Ngân hàng Q chi nhánh Đồng Nai trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên, khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định mức hình phạt là từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm. Với hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo 18 năm tù. Tuy nhiên, bị cáo chỉ tham gia trong các vụ án với vai trò đồng phạm; khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi được một phần; việc hư hỏng các cây ATM, két sắt và quây trưng bày, nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường. Do vậy, mức án 18 năm tù cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Mặt khác, bị cáo tham gia nhiều vụ trộm cắp tài sản trong cùng một khoảng thời gian nhưng lại bị tách ra xét xử ở hai Tòa án khác nhau, khi tổng hợp hình phạt sẽ gây bất lợi cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có sở sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo E E N C không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo E E N C. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 447/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo E E N C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo E E N C 16 (mười sáu) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 07 năm 06 tháng tù của Bản án số 03/2016/HSPT của Tòa án Quân sự Trung ương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 23 (hai mươi ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo E E N C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy